

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2021/DS - ST

Ngày: 24 - 3 - 2021

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ, TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hoàng Hồng Thắm

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Cao Trọng Mạnh

2. Ông Mai Văn Bé Em

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Kim Ưng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:** Bà Đoàn Thị Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 132/2019/TLST-DS ngày 21 tháng 5 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2021/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần K**

Trụ sở: Số 40-44 đường P, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

*Người đại diện theo pháp luật:* Bà Trần Tuấn A – Chức vụ: Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP K.

*Người đại diện theo uỷ quyền:* Ông Võ Văn T – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP K – chi nhánh Rạch Giá. (Theo Quyết định uỷ quyền số 2872/QĐ-NHKL ngày 8/8/2018)

*Người nhận uỷ quyền lại:* Ông **Huỳnh Quang Minh V**, sinh năm 1982 - Chức vụ: Phó Phòng khách hàng cá nhân Ngân hàng TMCP K – chi nhánh R (Theo Giấy uỷ quyền số 117/UQ-CNKG ngày 08/11/2018). (có mặt)

**2. Bị đơn: Ông Nguyễn Thái T, sinh năm 1983 (vắng mặt)**

Địa chỉ: Số 314 tổ 2 khu phố 5, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thị B, sinh năm 1948 (vắng mặt)**

Địa chỉ: Số 314 tổ 2 khu phố 5, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần K trình bày:**

Ngày 14/6/2016 ông Nguyễn Thái T có ký với Ngân hàng TMCP K – Phòng giao dịch M Hợp đồng tín dụng kiêm cầm cố số VH447 + VH448/HĐTD-CC để vay vốn số tiền 30.000.000 đồng, mục đích mua bán, thời hạn vay 180 ngày, lãi suất 1,245%/tháng, lãi suất nợ quá hạn 1,8675%/tháng, hình thức thanh toán trả gốc, lãi hàng ngày, mỗi ngày 179.110 đồng, ngày cuối 180.310 đồng. Theo hợp đồng còn có người liên đới trách nhiệm với nghĩa vụ trả nợ thay nếu người vay không hoàn trả nợ vay đúng hợp đồng là bà Trần Thị B mẹ của ông T.

Tài sản bảo đảm nợ vay là xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter màu trắng – xanh, số máy 55p1245364, số khung 5P10DY245341, biển kiểm soát 68S1-306.07 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 036445 do Công an tỉnh Kiên Giang cấp ngày 04/9/2013 đứng tên ông Nguyễn Thái T.

Trong quá trình vay vốn, ông Nguyễn Thái T và bà Trần Thị B chỉ thanh toán nợ cho Ngân hàng đến ngày 31/7/2016 với số tiền gốc và lãi là 8.800.000 đồng, khi đến hạn thanh toán nợ ngân hàng đã nhiều lần thông báo, nhắc nhở, ông T cũng nhiều lần cam kết nhưng không thực hiện đúng cam kết và hiện tại hợp đồng đã quá hạn thanh toán nhưng ông T, bà B vẫn không thanh toán nợ cho Ngân hàng theo thỏa thuận tại hợp đồng đã ký.

Theo đơn khởi kiện ngân hàng yêu cầu ông T trả cho ngân hàng tổng số tiền vay gốc và lãi phát sinh trên dư nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng; trường hợp ông T không trả được nợ thì yêu cầu bà B liên đới chịu trách nhiệm trả nợ thay ông T.

Ngày 02/10/2019 Ngân hàng TMCP K có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu trong trường hợp ông T, bà B không trả hoặc trả không dứt nợ trong thời gian thỏa thuận hoặc khi bản án có hiệu lực thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án hình sự có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản cầm cố để thu hồi nợ. Tuy nhiên tại phiên hòa giải ngày 29/6/2020 đại diện hợp pháp của ngân hàng đã rút lại yêu cầu xử lý tài sản nói trên.

Tại phiên tòa, ông Huỳnh Quang Minh V - đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên lời trình bày nêu trên; yêu cầu buộc ông Nguyễn Thái T trả cho Ngân hàng TMCP K số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 24/3/2021 là 53.345.112 đồng, trong đó nợ gốc 26.202.000 đồng, lãi trong hạn 1.633.107 đồng,

lãi quá hạn 25.510.005 đồng, và tiền lãi phát sinh trên hợp đồng tín dụng từ ngày 25/3/2021 cho đến khi thanh toán dứt nợ; trường hợp ông T không trả nợ thì buộc bà Trần Thị B chịu trách nhiệm trả số nợ nêu trên.

**Theo Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 13/11/2019 bị đơn là ông Nguyễn Thái T trình bày:**

Ông thừa nhận vào ngày 14/6/2016 ông có ký Hợp đồng tín dụng kiêm cầm cố số VH447 + VH448/HĐTD-CC để vay số tiền 30.000.000 đồng tại Ngân hàng TMCP K – Phòng giao dịch M; tài sản bảo đảm khoản vay là Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 036445 do Công an tỉnh Kiên Giang cấp ngày 04/9/2013 đứng tên Nguyễn Thái T. Trong suốt quá trình vay tính đến ngày 31/7/2016 ông trả được số tiền gốc và lãi tổng cộng là 8.800.000 đồng. Ông thừa nhận hiện nay còn nợ ngân hàng số tiền gốc là 26.202.000 đồng và tiền lãi phát sinh trên nợ gốc theo hợp đồng tín dụng.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter màu trắng – xanh, số máy 55p1245364, số khung 5P10DY245341, biển kiểm soát 68S1-306.07 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe nêu trên thì ông đã giao cho một người em cầm cố cho một người lạ không rõ tên, địa chỉ từ cuối năm 2016 với giá 17.000.000 đồng; do đó hiện tại ông không biết chiếc xe ở đâu và do ai đang quản lý.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ngân hàng thì ông thống nhất và đồng ý nhận trách nhiệm trả nợ; tuy nhiên hiện tại hoàn cảnh khó khăn nên ông không thể trả nợ ngay cho ngân hàng được.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị B** không nộp văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để Tòa án xem xét.

*Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng, ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:*

Về tố tụng: Thẩm phán xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án, xem xét việc thụ lý vụ án và tiến hành các thủ tục tố tụng tại giai đoạn chuẩn bị xét xử đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đúng theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; riêng bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được tổng đạt hợp lệ nhưng không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 72 và Điều 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc bị đơn có trách nhiệm thanh toán số tiền vay gốc và lãi tạm tính đến ngày 24/3/2021 là 53.345.112 đồng và tiếp tục chịu lãi phát sinh theo

hợp đồng tín dụng từ ngày 25/3/2021; trường hợp bị đơn không trả được nợ thì buộc bà Trần Thị B chịu trách nhiệm trả nợ; Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo và buộc bị đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

#### **[1] Thủ tục tố tụng:**

Ngân hàng thương mại cổ phần K tranh chấp hợp đồng tín dụng với ông Nguyễn Thái T, đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Nguyễn Thái T là bị đơn có nơi cư trú tại thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Nguyễn Thái T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị B như: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa; tuy nhiên, ông T, bà B không đến Tòa án để tham gia phiên họp, hòa giải là không thực hiện đúng về quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp và do Tòa án thu thập để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Mặc khác, ông T, bà B đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T, bà B.

#### **[2] Nội dung vụ án:**

##### **[2.1] Về Hợp đồng tín dụng:**

Căn cứ lời khai thống nhất của nguyên đơn và bị đơn có đủ cơ sở xác định ông Nguyễn Thái T có vay vốn tại ngân hàng TMCP K, chi nhánh M được thể hiện theo Hợp đồng tín dụng kiêm cầm cố số VH447 + VH448/HĐTD-CC ngày 14/6/2016; căn cứ Phiếu chi ngày 14/6/2016 xác định số tiền vay là 30.000.000 đồng; mục đích sử dụng tiền vay: mua bán; thời hạn vay 180 ngày, lãi suất 1,245%/tháng, lãi suất nợ quá hạn 1,8675%/tháng; bên vay phải trả góp vốn gốc và lãi vay theo định kỳ hàng ngày kể từ 15/6/2016 đến 11/12/2016 với số tiền trả mỗi ngày là 179.110 đồng, ngày cuối là 180.310 đồng.

Xét thấy hợp đồng tín dụng nêu trên đã được các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện và thực hiện đầy đủ các trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật, nội dung thỏa thuận không trái pháp luật; do đó, Hội đồng xét xử công nhận hợp đồng tín dụng giữa ngân hàng TMCP K, chi nhánh M và ông Nguyễn Thái T là hợp pháp.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng đến ngày 31/7/2016 ông T chỉ trả được tổng số tiền gốc và lãi là 8.800.000 đồng, sau đó ông T không thực hiện việc trả nợ cho ngân hàng nữa. Về việc vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ này được bị đơn thừa nhận tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 13/11/2019; do đó có đủ cơ sở xác định bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ đối với bên vay được quy định tại Điều 4 và Điều 5 của hợp đồng tín dụng; cụ thể là vi phạm lãi trong hạn từ ngày 31/7/2016 đến ngày 11/12/2016; vi phạm lãi quá hạn từ ngày 11/12/2016 cho đến nay.

Căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về hợp đồng vay tài sản, nghĩa vụ trả nợ của bên vay và quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức, tín dụng năm 2010 quy định về việc thỏa thuận lãi suất trong hoạt động kinh doanh tín dụng, thì buộc ông T phải có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ nợ vay gốc và lãi cho ngân hàng là có căn cứ pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số nợ vay gốc và lãi tạm tính đến ngày xét xử hôm nay (24/3/2021) bao gồm: nợ gốc 26.202.000 đồng, lãi trong hạn 1.633.107 đồng, lãi quá hạn 25.510.005 đồng, tổng cộng là 53.345.112 đồng và tiền lãi phát sinh trên hợp đồng tín dụng từ ngày 25/3/2021 cho đến khi bị đơn thanh toán dứt nợ.

[2.2] Về yêu cầu buộc trách nhiệm trả nợ đối với bà Trần Thị B:

Căn cứ tại Điều 4 của Hợp đồng tín dụng kiêm cầm cố số VH447 + VH448/HĐTD-CC ngày 14/6/2016 có quy định nội dung người liên đới trách nhiệm chịu trách nhiệm trả nợ thay nếu người vay không hoàn trả nợ vay đúng hợp đồng này; do bà Trần Thị B ký tên xác nhận với tư cách là người liên đới trách nhiệm, có quan hệ là mẹ của bên vay. Ngoài ra bà B cũng ký tên xác nhận với tư cách người liên đới trách nhiệm tại Giấy đề nghị vay vốn trả góp ngày 24/12/2015.

Nghĩa vụ liên đới được quy định tại Điều 288 Bộ luật Dân sự là nghĩa vụ do nhiều người cùng phải thực hiện và bên có quyền có thể yêu cầu bất cứ ai trong số những người có nghĩa vụ phải thực hiện toàn bộ nghĩa vụ. Căn cứ nội dung thỏa thuận tại hợp đồng thì nhận thấy mặc dù về mặt câu chữ theo hợp đồng xác định bà B là người liên đới trách nhiệm; tuy nhiên về bản chất thì đây là một thỏa thuận dân sự về bảo lãnh theo quy định tại Điều 335 Bộ luật Dân sự; tức là trong trường hợp khi đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ mà bên được bảo lãnh không thực hiện

hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thì bên bảo lãnh có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ thay cho bên có nghĩa vụ.

Như vậy hợp đồng tín dụng mà các bên giao kết có sai sót về mặt câu chữ trong việc xác định nghĩa vụ của người thứ ba, tuy nhiên vẫn đảm bảo tính có hiệu lực của hợp đồng do thoả thuận ghi nhận được các bên tự nguyện xác lập và không trái quy định pháp luật. Nên việc ngân hàng yêu cầu buộc bà B phải chịu trách nhiệm thanh toán nợ vay gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng nêu trên trong trường hợp ông T không thực hiện được nghĩa vụ là phù hợp với quy định pháp luật và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Về tài sản đảm bảo nợ vay:

Theo Hợp đồng thể hiện bên vay cầm cố tài sản để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ vay là chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter màu trắng – xanh, số máy 55p1245364, số khung 5P10DY245341, biển kiểm soát 68S1-306.07 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 036445 do Công an tỉnh Kiên Giang cấp ngày 04/9/2013 đứng tên ông Nguyễn Thái T. Sau đó hai bên lập Biên bản thoả thuận gửi tài sản ngày 14/6/2016 có nội dung bên ngân hàng gửi tài sản cầm cố nêu trên cho bên ông T giữ tài sản đó. Do đó trên thực tế chiếc xe này vẫn do bên vay là ông T quản lý trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng.

Theo Phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ của Phòng Cảnh sát giao thông đường bộ đường sắt Công an tỉnh Kiên Giang xác nhận chiếc xe này đã qua 02 lần đăng ký thay đổi chủ sở hữu, hiện không còn đứng tên ông T.

Về phía đại diện ngân hàng đã có ý kiến rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc xử lý tài sản cầm cố là chiếc xe trong trường hợp bên vay không trả được nợ; xét thấy, việc rút một phần yêu cầu của nguyên đơn là tự nguyện và đúng quy định pháp luật nên được chấp nhận. Căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu nguyên đơn đã rút.

Từ những phân tích nêu trên, trong thảo luận nghị án Hội đồng xét xử thống nhất với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc bị đơn ông Nguyễn Thái T nghĩa vụ thanh toán cho ngân hàng TMCP K số tiền vay gốc và lãi tính đến ngày 24/3/2021 là 53.345.112 đồng; đồng thời ông T phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh theo lãi suất thoả thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết kể từ ngày 25/3/2021 cho đến khi tất toán hết nợ. Trong trường hợp ông T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi nói trên thì ngân hàng được quyền yêu cầu bà Trần Thị B chịu trách nhiệm trả nợ.

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Căn cứ khoản 2 Điều 26 và Mục A Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

Bị đơn ông T phải chịu án phí trên số tiền bị buộc trả 53.345.112 đồng, án phí được xác định là 2.667.255 đồng.

Nguyên đơn ngân hàng TMCP K được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 975.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0003973 ngày 17/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 91, 147, 227, 228, 266, Điều 273, **khoản 2 Điều 244** của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần K về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bị đơn ông Nguyễn Thái T.

**2.** Buộc ông Nguyễn Thái T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần K số tiền vay gốc và lãi tạm tính đến ngày 24/3/2021 là 53.345.112 (năm mươi ba triệu ba trăm bốn mươi lăm nghìn một trăm mười hai đồng), trong đó: nợ gốc 26.202.000 đồng, lãi trong hạn 1.633.107 đồng, lãi quá hạn 25.510.005 đồng và tiếp tục trả khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày 25/3/2021 đến khi tất toán hết nợ.

Trong trường hợp ông Nguyễn Thái T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi nói trên thì Ngân hàng thương mại cổ phần K được quyền yêu cầu bà Trần Thị B chịu trách nhiệm trả nợ.

Hai bên trực tiếp giao nhận tiền hoặc giao nhận tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

**3.** Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần K về yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo nợ vay là chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter màu trắng – xanh, số máy 55p1245364, số khung 5P10DY245341, biển kiểm soát 68S1-306.07 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 036445 do Công an tỉnh Kiên Giang cấp ngày 04/9/2013 đứng tên ông Nguyễn Thái T.

**4. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:**

Buộc ông Nguyễn Thái T phải chịu án phí là 2.667.255 đồng (hai triệu sáu trăm sáu mươi bảy nghìn hai trăm năm mươi lăm đồng).

Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần K được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 975.000 đồng (chín trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0003973 ngày 17/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang..

**5. Quyền kháng cáo:** Báo cho nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày; đương sự có mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014”.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.Rạch Giá;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP.Rạch Giá;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

**Hoàng Hồng Thắm**